

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 36: từ ngày 20/04/2026 đến ngày 26/04/2026

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
K10-DVTY P.E201	Sáng		KT thị và các sp khác (Duyên) 4 <i>(B.101)</i>	KTNPTB cho lợn (Hung) <i>(B.101)</i>	KTNPTB cho lợn (Hung) <i>(B.101)</i>	
	Chiều	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 4	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 4	KTNPTB cho trâu bò dê thỏ (Phượng) 4	KTNPTB cho trâu bò ... (Phượng) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Duyên) 1</i>	
K11-DVTY P.E303	Sáng	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Quyên) 1</i>	KT thị và các sp khác (Hòa) 4 <i>(P.TH01)</i>	KTNPTB cho trâu bò dê thỏ (H.Nga) <i>(P.TH01)</i>	KTNPTB cho trâu bò dê thỏ (H.Nga) <i>(P.TH01)</i>	
	Chiều	KTNPTB cho lợn (Hung) 4	Khuyến nông (Luu) 4	KT thị và các sp khác (Hoà) 4	KTNPTB cho lợn (Hung) 4	
K10-KTDN K11-KTDN P.E305	Sáng		Tài chính doanh nghiệp (Thuý) 4		Khởi sự kinh doanh (Son) 2	Kế toán DN 1 (Dung) 3
	Chiều	Khởi sự kinh doanh (Son) 4	Kế toán HCSN (P.Thảo) 4	Kế toán HCSN (P.Thảo) 4	Quản trị VP (Hoa) 4	
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT64A1 P.B102	Sáng					
	Chiều	Thực tập cơ bản (Thọ) 4	Thực tập cơ bản (Thọ) 4	Thực tập cơ bản (Thọ) 4	Thực tập cơ bản (Thọ) 4	Thực tập cơ bản (Thọ) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Bình) 1</i>
TT65A1 P.B201	Sáng	Thủy nông (Bình) 4	Côn trùng CK (Huyền) 4	Tiếng anh (Linh) 4	Hóa BVTV (Huệ) 4	Cây lương thực (Thọ) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Hương) 1</i>
	Chiều					
TT65A3 P.B102	Sáng	Cây lương thực (Thọ) 4	Côn trùng CK (Hương) 4	Tiếng anh (Linh) 4	Côn trùng CK (Hương) 4	Thủy nông (Huyền) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Huyền) 1</i>
	Chiều					
LN65A	Sáng	Tạo cây giống bằng chiết (Huyền) 4	Tạo cây giống bằng giâm (Tuyết) 4	Tiếng anh (Linh) 4	Thực vật - cây rừng (Hùng) 4	Thực vật - cây rừng (Hùng) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Lịch) 1</i>
	Chiều					

CNTT64A1 P.TH	Sáng												
	Chiều	SD các thiết bị văn phòng (Trường)	4	SD các thiết bị văn phòng (Trường)	4			Đồ hoạ ứng dụng (Quang)	4	<i>Sinh hoạt lớp (Quang)</i>	1		
CNTT64A2 P.TH	Sáng												
	Chiều	Đồ hoạ ứng dụng (Quang)	4	Đồ hoạ ứng dụng (Quang)	4	Đồ hoạ ứng dụng (Quang)	3			<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i>	1		
CNTT65A1 P.B205	Sáng	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Tổ chức QLDN (Sơn)	4	Mạng máy tính (Tâm)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	3				
	Chiều									<i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i>	1		
CNTT65A2 P.B204	Sáng	Lập trình cơ bản (Thảo)	4	Mạng máy tính (Tâm)	4	Tổ chức QLDN (Sơn)	4	Cấu trúc DL và GT (Hà)	3				
	Chiều									<i>Sinh hoạt lớp (Phuong)</i>	1		
ĐCN64A1 P.E103	Sáng										Tiếng anh CN (Phiên)	4	
	Chiều	Cung cấp điện (H.Anh)	4	Trang bị điện (Nga)	4	Kỹ năng giao tiếp (Hoà)	4	Cung cấp điện (H.Anh)	4			Thiết bị điện gia dụng (Tuấn)	3
ĐCN64A2 P.E104	Sáng												
	Chiều	Trang bị điện (Đ.Đức)	4	Cung cấp điện (P.Anh)	4	Cung cấp điện (P.Anh)	4	Kỹ năng giao tiếp (Hoà)	4			Thiết bị điện gia dụng (Giáp)	3
ĐCN64A3 P.E101	Sáng												
	Chiều	Kỹ năng giao tiếp (Hoà)	4	TB điện gia dụng (Huân)	4	TB điện gia dụng (Huân)	4	Trang bị điện (Nga)	4			Kỹ năng giao tiếp (Hoà)	3
ĐCN 64B	Sáng												
	Chiều	Thiết bị điện gia dụng (Huân)	4	Cung cấp điện (Đ.Đức)	4	Cung cấp điện (Đ.Đức)	4	Cung cấp điện (Đ.Đức)	4			Kỹ năng giao tiếp (Huyền)	3
ĐCN65A1 P.E303	Sáng	Đo lường điện (A.Đức)	4	Truyền động điện (N.Đức)	4	GD chính trị (Quế)	4	Máy điện (Giáp)	4				
	Chiều												
ĐCN65A2 P.E302	Sáng	Máy điện (Tuấn)	4	Đo lường điện (A.Đức)	4	Truyền động điện (P.Anh)	4	GDTC (Thúy)	2				
	Chiều							GD chính trị (Quế)	2				
ĐCN65B1	Sáng	Truyền động điện (N.Đức)	4	Máy điện (Huân)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4					Đo lường điện (P.Anh)	3
	Chiều											<i>Sinh hoạt lớp (P.Anh)</i>	1

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN

THỨ		Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
LỚP				
TT64A2	Sáng	TT cơ bản (Lịch)	4 <i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i>	1
	Chiều	TT cơ bản (Lịch)	4 TT cơ bản (Lịch)	4
TT64A3 P.B204	Sáng	TT cơ bản (Huệ)	4 <i>Sinh hoạt lớp (Huệ)</i>	1
	Chiều	TT cơ bản (Huệ)	4 TT cơ bản (Huệ)	4
TT65A2 P.B204	Sáng	Sinh lý TV (Huyền)	4 <i>Sinh hoạt lớp (Huệ)</i>	1
	Chiều	Pháp luật (Huyền)	4 Sinh lý TV (Huyền)	4
CN65A2 P.B205	Sáng	Giống vật nuôi (Quyên)	4 Tin học (Tâm)	4
	Chiều	Pháp luật (Huyền)	4 <i>Sinh hoạt lớp (Phượng)</i>	1
			4 Giải phẫu sinh lý VN (Hàng)	4
			4 Tin học (Tâm)	4

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đoàn Văn Lưu

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày từ ngày 20/04/2026 đến ngày 26/04/2026

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH63B1	Sáng	<i>Toán (Nhưng)</i> 2 <i>HĐTN (Nhưng)</i> 1	Ngữ văn (Hằng) 4		Lịch sử (Hà) 4	
	Chiều	<i>Lịch sử (Hà)</i> 2	Toán (Nhưng)	<i>Ngữ văn (Hằng)</i> 2	<i>GDKT và PL (Thuý)</i> 2	
VH63B3 P.B302	Sáng	<i>HĐTN (Hà)</i> 1 Toán (Quý) 3	Lịch sử (Dự) 4	Ngữ văn (Hằng) 4	<i>Toán (Quý)</i> 2	
	Chiều	<i>Lịch sử (Dự)</i> 2	GDKT và PL (Quế) 4	GDKT và PL (Quế) 4	<i>GDKT và PL (Quế)</i> 2	
VH63B4 P.B303	Sáng	GDKT và PL (Quyên) 3 <i>HĐTN (Dự)</i> 1		GDKT và PL (Quyên) 4	Toán (Nhưng) 4	
	Chiều	<i>Toán (Nhưng)</i> 2	<i>Lịch sử (Dự)</i> 2	<i>Ngữ văn (H.Hà)</i> 2	<i>GDKT và PL (Quyên)</i> 2	
VH63B6 P.B304	Sáng	GDKT và PL (Tài) 3 <i>HĐTN (Hoà)</i> 1	<i>Lịch sử (Lý)</i> 2	Lịch sử (Lý) 4	Ngữ văn (Hường) 4	
	Chiều	Ngữ văn (Hường) 4	<i>Ngữ văn (Hường)</i> 2	<i>Toán (Nhưng)</i> 2	<i>GDKT và PL (Tài)</i> 2	
VH63B7 P.B305	Sáng	GDKT và PL (Nga) 3 <i>HĐTN (Nga)</i> 1	Ngữ văn (H.Hà) 4	<i>GDKT và PL (Nga)</i> 2	Ngữ văn (H.Hà) 4	
	Chiều	<i>Ngữ văn (H.Hà)</i> 2	Toán (Quý) 4	Toán (Quý) 4	<i>Toán (Quý)</i> 2	
VH63B8 P.B301	Sáng	Ngữ văn (Hường) 3 <i>HĐTN (K.Nhung)</i> 1	<i>Toán (Quý)</i> 2	Lịch sử (Dự) 4	<i>Lịch sử (Dự)</i> 2	
	Chiều		<i>GDKT và PL (Quyên)</i> 2	GDKT và PL (Quyên) 4	<i>Ngữ văn (Hường)</i> 2	



VH64B1	Sáng	Lịch sử (Hà) <i>HĐTN (Hàng)</i>	3 1	Hoá học (Doan)	4	Toán (Nhưng)	4	Địa lý (Thúy)	4	Vật lý (Son)	4
VH64B3 P.E101	Sáng	Toán (Dương) Lịch sử (Dự)	2 2	Ngữ văn (Chi) Hoá học (Vân)	2 2	Vật lý (Hoà) Toán (Dương)	2 2	CĐ Địa lý (Thủy)	4		
VH64B4 P.E201	Sáng	Vật lý (Trung) Lịch sử (Hàng)	2 2	Toán (Nhưng) Lịch sử (Hàng)	2 2	Ngữ văn (Chi) GDKT và PL (Thắm)	2 2	CĐ Địa lý (Nga) Ngữ văn (Chi)	2 2		
VH64B5 P.E202	Sáng	Lịch sử (Hàng) Hoá học (Hà)	2 2	Lịch sử (Hàng) Ngữ văn (Chi)	2 2	Toán (Dương) Ngữ văn (Chi)	2 2	Địa lý (Lực) GDKT và PL (Quyên)	2 2		
VH64B6 P. E204	Sáng	Ngữ văn (H.Hà)	4	Địa lý (Lực) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Lịch sử (Hàng)	4	GDKT và PL (Quyên) Hóa học (Hà)	2 2		
VH64B8 P.E203	Sáng			Toán (Quảng)	4	GDKT và PL (Tài) Địa lý (Lực)	2 2	Hoá học (Vân) Địa lý (Lực)	2 2	Ngữ văn (Lý) (B102) <i>HĐTN (Phiên) (B102)</i>	3 1
	Chiều	Ngữ văn (Lý)	4					Ngữ văn (Lý)	4		
VH65B1	Sáng							Vật lý (Son)	4		
	Chiều	Địa lý (Thúy)	4	GDKT và PL (Thủy) <i>HĐTN (Thủy)</i>	3 1	Toán (Hương)	4	Ngữ văn (Hàng)	4	CĐ Lịch sử (Hà)	4
VH65B2 P.E302	Chiều	Toán (Dương) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Ngữ văn (H.Hà) Hóa học (Hà)	2 2	Địa lý (Thủy) Lịch sử (Dự)	2 2	Vật lý (Trung) Toán (Dương)	2 2		
VH65B3 P.E301	Chiều	Vật lý (Trung) Toán (Quý)	2 2	Địa lý (Phương) Ngữ văn (Lý)	2 2	Lịch sử (Dự) Hoá học (Vân)	2 2	GDKT và PL (Thắm) Vật lý (Trung)	2 2		
VH65B4 P.E101	Chiều	Toán (Quý) Địa lý (Lực)	2 2	Vật lý (Hoà) GDKT và PL (Nga)	2 2	Hóa học (Vân) Ngữ văn (Hường)	2 2	Lịch sử (Dự) Hóa học (Vân)	2 2		

VH65B5 P.B205	Chiều	GDKT và PL (Nga) 2	Ngữ văn (Hà) 4	Lịch sử (Hàng) 2	Địa lý (Lực) 2	
		Vật lý (Hòa) 2		Toán (Dương) 2	Vật lý (Hoà) 2	
VH65B6 P.B204	Sáng					Toán (Quảng) 4
	Chiều	Lịch sử (Hàng) 2 Vật lý (Trung) 2	Sinh học (Phượng) 2 Địa lý (Phương) 2	GDKT và PL (Thắm) 2 Vật lý (Trung) 2	Ngữ văn (Chi) 2 Sinh học (Phượng) 2	Vật lý (Trung) 4
VH65B7 P.B104	Chiều		Lịch sử (Hàng) 2 Toán (Quảng) 2	GDKT và PL (Nga) 2 Ngữ văn (Lý) 2	Địa lý (Phương) 2 GDKT và PL (Nga) 2	
VH65B8 P.B202	Chiều	Địa lý (Lực) 2 GDKT và PL (Quế) 2	Toán (Quảng) 2 Lịch sử (Hàng) 2	Ngữ văn (Hường) 2 GDKT và PL (Quế) 2	Sinh học (Phượng) 2 Toán (Quảng) 2	
VH65B9 P.B203	Chiều	Ngữ văn (Hà) 2 CD Ngữ văn (Hà) 2	Hoá học (Hà) 2 GDKT và PL (Thắm) 2	Sinh học (Hồng) 2 Toán (Quảng) 2	Toán (Quảng) 2 Địa lý (Phương) 2	
VH65B10 P.B103	Chiều	GDKT và PL (Thắm) 2 Toán (Dương) 2	Ngữ văn (Lý) 2 Toán (Dương) 2	Ngữ văn (Lý) 2 Địa lý (Thuỷ) 2	Sinh học (Hồng) 2 Lịch sử (Dự) 2	
VH65B11 P.B201	Chiều	Địa lý (Nga) 2 Lịch sử (Hàng) 2	Toán (Dương) 2 Sinh học (Hồng) 2	Toán (Dương) 2 Lịch sử (Hàng) 2	Ngữ văn (Hà) 4	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu